

Bản án số 10/2022/DS-ST

Ngày 04.4.2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỀU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Mỹ Hạnh

Ông Ngô Văn Sỹ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Phương Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022, Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 09/2022/TB-TA ngày 14 tháng 3 năm 2022 và Thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 56/2022/TB-TA ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số 210 đường T, phường T, quận H, TP. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị H - Sinh năm 1973 - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch T và bà Nguyễn Thị Hải A- Sinh năm 1992 - Chức vụ: Chuyên viên khách hàng. Địa chỉ: 638 Đ, quận T, TP. Đà Nẵng, (Theo Quyết định v/v ủy quyền thực hiện hoạt động tố tụng đối với Giám đốc Chi nhánh số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tổng Giám đốc và Giấy ủy quyền v/v tham gia tố tụng và giải quyết việc thi hành án số 60C/2021/QĐ-LiênVietPostBank.ĐN ngày

17 tháng 3 năm 2021 của Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Chi nhánh Đà Nẵng), (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Đỗ Thị T - sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 8, Xuân Thiều, phường Hòa Hiệp nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng, (Vắng mặt, không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại Bản tự khai ngày 22 tháng 10 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (- Ngân hàng Thương mại cổ phần B (viết tắt là Ngân hàng TMCP B)) trình bày:

Ngày 27 tháng 4 năm 2017, bà Đỗ Thị T có vay số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) tại Ngân hàng TMCP B theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số HD0127041704412. Mục đích vay: Sửa nhà; Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (Ngày 28 tháng 4 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2022).

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà T chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 32.085.342 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm tám mươi lăm ngàn ba trăm bốn mươi hai đồng) nợ gốc và 12.988.890 đồng (Mười hai triệu chín trăm tám mươi tám ngàn tám trăm chín mươi đồng) nợ lãi. Kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2019, do bà T không thực hiện đúng nghĩa vụ nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn. Tính từ ngày 10 tháng 8 năm 2019, bà T không tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng. Đến nay, bà T đã chậm thanh toán 32 kỳ.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả số tiền nợ 49.963.122 đồng (Bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi ba ngàn một trăm hai mươi hai đồng); trong đó: nợ gốc 37.914.658 đồng, nợ lãi trong hạn 9.131.112 đồng, tiền quá hạn gốc 2.211.115 đồng và quá hạn lãi 706.237 đồng (Tính đến ngày 19 tháng 3 năm 2021); buộc bà T tiếp tục trả lãi quá hạn cho đến khi tất toán xong khoản vay.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng bổ sung yêu cầu: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bà T trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử (- Ngày 04 tháng 4 năm 2022) là 60.438.020 đồng (Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc 37.914.646 đồng, nợ lãi trong hạn 15.057.779 đồng, tiền quá hạn gốc 5.504.545 đồng và tiền quá hạn lãi 1.961.050 đồng. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo đơn khởi kiện.

\* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt được trực tiếp văn bản tố tụng cho bị đơn - bà Đỗ Thị T, nhưng bà T vẫn không có bản tự khai, không đến Tòa án tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên tòa, bà T vắng mặt lần hai, không có lý do.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, bị đơn - bà Đỗ Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà T không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Bà Đỗ Thị T có vay của Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng giao dịch T số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số HD0127041704412 ngày 27 tháng 4 năm 2017, với mục đích sửa nhà; thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên (*Ngày 28 tháng 4 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2022*); Lãi suất vay trong hạn là 8%/năm áp dụng cố định theo dư nợ gốc ban đầu; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn và lãi suất chậm trả là 10%/năm; phương thức trả góp trong 60 kỳ, định kỳ 01 tháng/01 lần vào ngày 10 trả 1.170.000 đồng (*Một triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng*), bắt đầu trả vào ngày 10 tháng 6 năm 2017.

Hợp đồng tín dụng được ký kết theo sự tự nguyện của các bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng.

Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng Giao dịch T và bà Đỗ Thị T là hợp pháp, xác định bà T có vay của Ngân hàng số tiền 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng*).

Đến nay, mặc dù chưa hết thời hạn thanh toán, nhưng bà T đã vi phạm thỏa Tân trả nợ gốc và lãi hàng tháng được quy định tại Điều 4 Hợp đồng đã ký. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B, buộc bà T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ 60.438.020 đồng (*Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng*), trong đó: nợ gốc 37.914.646 đồng, nợ lãi trong hạn 15.057.779 đồng, tiền quá hạn gốc 5.504.545 đồng và tiền quá hạn lãi 1.961.050 đồng (*Tính đến ngày 04 tháng 4 năm 2022*), là hoàn toàn có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Lãi được tiếp tục tính từ ngày 05 tháng 4 năm 2022 theo mức lãi suất do Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh Đà Nẵng - Phòng Giao dịch T và bà T đã thỏa thuận tại

Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số HD0127041704412 ngày 27 tháng 4 năm 2017 trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thi hành án xong.

[3] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.021.901 đồng (*Ba triệu không trăm hai mươi một ngàn chín trăm lẻ một đồng*) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 92, khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B đối với bà Đỗ Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Xử: Buộc bà Đỗ Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền nợ gốc 37.914.646 đồng, nợ lãi trong hạn 15.057.779 đồng, tiền quá hạn gốc 5.504.545 đồng và tiền quá hạn lãi 1.961.050 đồng (*Tính đến ngày 04 tháng 4 năm 2022*). Tổng cộng là 60.438.020 đồng (*Sáu mươi triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm là 3.021.901 đồng (*Ba triệu không trăm hai mươi một ngàn chín trăm lẻ một đồng*) bà Đỗ Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án 1.249.078 đồng (*Một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn không trăm bảy mươi tám đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0000039 ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiếu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

